QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VỀ NGƯỜI KHÔNG ĐƯỢC QUYỀN HƯỞNG DI SẢN

NGUYỄN THỊ HƯỜNG
Trường Đại học Hải Phòng

Nhận bài ngày 24/02/2025. Sửa chữa xong 02/3/2025. Duyệt đăng 06/3/2025.

Abstract

Since 1945, the inheritance system has had quite complete regulations and is increasingly being improved, but due to the daily development of society, many complex situations in practice have not yet been fully documented. The number of civil disputes over inheritance each year, the number of pending cases is very large and increasing, mainly due to the fact that inheritance law in general and other related legal regulations still have many shortcomings, are not really consistent and unified. The important issue in resolving inheritance disputes in each civil case is to determine who is entitled to inherit the inheritance and who is not entitled to inherit the inheritance. In this sense, it is very necessary to study the legal regulations on people who are not entitled to inherit the inheritance.

Keywords: *Inheritance, inheritance rights, disinherited.*

1. Đặt vấn đề

Trong Bộ luật Dân sự, thừa kế là một trong những chế định pháp luật có vai trò quan trọng trong việc dịch chuyển tài sản của người chết để lại cho những người thừa kế (NTK) của họ theo di chúc hoặc theo quy định của pháp luật. NTK muốn được hưởng di sản thì cần phải là người xứng đáng được hưởng; nếu trên thực tế, họ đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ, bổn phận của mình, đã có những hành vi trái pháp luật, trái đạo đức xã hội, xâm phạm đến sức khỏe, tính mạng, danh dự, nhân phẩm... của người để lại di sản và những người khác, họ sẽ bị tước quyền hưởng di sản theo quy định của pháp luật và trở thành người không được quyền hưởng di sản. Ngoài ra, có thể NTK không vi phạm các quy định của pháp luật (không thuộc các trường hợp trên) nhưng vẫn không được quyền hưởng di sản nếu họ đã bị người để lại di sản truất quyền thừa kế. Một người khi bị truất thừa kế hoặc bị tước quyền thừa kế thì đều không còn quyền hưởng di sản theo di chúc hoặc theo pháp luật. Tuy nhiên, trong đề tài, tác giả chỉ tập trung nghiên cứu những quy định của pháp luật, cũng như thực trạng các quy định pháp luật về người bị tước quyền hưởng di sản thừa kế quy định tại Điều 621 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Khái niệm về người không được quyền hưởng di sản thừa kế

Theo khoản 1 Điều 621 Bộ luật Dân sự 2015 thì phạm vi người không được quyền hưởng di sản do đã có hành vi trái pháp luật, xâm phạm đến sức khỏe, tính mạng, danh dự, nhân phẩm... của người để lại di sản và những NTK khác, có những hành vi không xứng đáng bổn phận của mình, người có hành vi như vậy không xứng đáng được hưởng di sản của NTK để lại. Đây là những người bị kết án về hành vi cố ý xâm phạm tính mạng, sức khỏe hoặc về hành vi ngược đãi nghiêm trọng, hành hạ người để lại di sản, xâm phạm nghiêm trọng danh dự, nhân phẩm của người đó; người vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ nuôi dưỡng người để lại di sản; người bị kết án về hành vi cố ý xâm phạm tính mạng NTK khác nhằm hưởng một phần hoặc toàn bộ phần di sản mà NTK đó có quyền hưởng; người có hành vi lừa dối, cưỡng ép hoặc ngăn cản người để lại di sản trong việc lập di chúc; giả mạo di chúc, sửa chữa di

Email: nhuonguyen89@gmail.com.

chúc, hủy di chúc, che giấu di chúc nhằm hưởng một phần hoặc toàn bộ di sản trái với ý chí của người để lại di sản (Khoản 1 Điều 621 Bộ luật Dân sự 2015). (Tuy nhiên, những người này vẫn được hưởng di sản, nếu người để lại di sản đã biết hành vi của những người đó nhưng vẫn cho họ hưởng di sản theo di chúc (Khoản 2 Điều 621 Bộ luật Dân sự 2015)). Vì thế nên họ bị tước quyền hưởng di sản và không được quyền hưởng di sản của người chết để lại.

Từ những phân tích trên, tác giả đưa ra định nghĩa về người không được hưởng di sản như sau: *Người không được hưởng di sản là những người đáng ra được hưởng di sản do người chết để lại theo pháp luật và/hoặc theo di chúc nhưng vì có hành vi trái quy định của pháp luật; trái đạo đức xã hội đối với người để lại di sản nên không được quyền hưởng di sản do người chết để lại.*

2.2. Các trường hợp người không được quyền hưởng di sản trong Bộ luật Dân sự năm 2015

2.2.1. Người bị kết án về hành vi cố ý xâm phạm tính mạng, sức khỏe hoặc về hành vi ngược đãi nghiêm trọng, hành hạ người để lại di sản, xâm phạm nghiêm trọng danh dự, nhân phẩm của người đó

Hành vi cố ý xâm phạm tính mạng của người để lại di sản có thể hiểu là hành vi cố ý tước đoạt tính mạng của người để lại di sản một cách trái pháp luật. Về mặt chủ quan, hành vi tước đoạt tính mạng người để lại di sản phải thực hiện với lỗi cố ý, nghĩa là người phạm tội nhận được rõ hành vi vi phạm của mình là nguy hiểm, sẽ gây hậu quả chết người nhưng vẫn mong muốn (cố ý trực tiếp) hoặc có ý thức để mặc cho hậu quả xảy ra (cố ý gián tiếp). Như vậy, nếu hành vi trên chỉ là vô ý làm chết người thì người phạm tội không bị tước quyền thừa kế di sản của người mà họ vô ý làm chết, việc xem xét lỗi cố ý hay vô ý trong trường hợp này có ý nghĩa quyết định đến việc người đó có được hưởng di sản hay không.

Hành vi cố ý xâm phạm sức khỏe người để lại di sản là hành vi tác động khiến cho tình trạng sức lực của người đó yếu đi hoặc gây nên những tổn thương ở các bộ phận trong cơ thể, chấn thương về tâm lý, phá vỡ sự hoạt động bình thường trong cơ thể người đó, là hành vi cấu thành các tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác. Cơ sở để tước quyền thừa kế của người có hành vi cố ý xâm phạm sức khỏe người để lại di sản nếu người có hành vi xâm phạm đã bị kết án về hành vi đó bằng một bản án đã có hiệu lực pháp luật [4].

Hành vi ngược đãi, vi phạm nghiêm trọng danh dự, nhân phẩm của người để lại di sản là những hành vi đối xử trái pháp luật và vi phạm đạo đức thường được thực hiện thông qua hành động chửi mắng, nhục mạ, bỏ mặc, bắt ăn đói, mặc rách làm cho người để lại di sản đau đớn về mặt tinh thần, danh dự bị xúc phạm, bị giày vò và khốn khổ về thể xác. Trong quy định của pháp luật thì người có hành vi ngược đãi, hành hạ, xâm phạm danh dự, nhân phẩm của người để lại di sản bị tước quyền khi đã có bản án có hiệu lực pháp luật nên ta có thể hiểu rằng nó nghiêm trọng khi nó đã đủ các dấu hiện để bị kết án và đã bị kết án.

2.2.2. Người vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ nuôi dưỡng người để lại di sản

Theo quy định trong Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì NTK được xác định là người có nghĩa vụ cấp dưỡng người để lại thừa kế trong các trường hợp sau:

- Người có nghĩa vụ nuôi dưỡng và người để lại thừa kế có quan hệ con và cha mẹ - người để lại thừa kế là cha mẹ của họ.

Theo đó, con có nghĩa vụ và quyền chăm sóc, nuôi dưỡng cha mẹ, đặc biệt khi cha mẹ mất năng lực hành vi dân sự, ốm đau, già yếu, khuyết tật; trường hợp gia đình có nhiều con thì các con phải cùng nhau chăm sóc, nuôi dưỡng cha mẹ (Khoản 2 Điều 71 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014). Trên cơ sở nghĩa vụ nuôi dưỡng của con đối với cha mẹ thì có nghĩa vụ cấp dưỡng của con đối với cha mẹ, quy định tại Điều 111. Khi cha mẹ không có khả năng lao động do già yếu, ốm đau, tàn tật..., cha mẹ không có tài sản để tự nuôi mình mà con và cha mẹ không cùng chung sống. Con phải có khả năng về kinh tế đủ để bảo đảm cuộc sống của chính mình. Do đó về nguyên tắc, nghĩa vụ cấp dưỡng cho cha mẹ chỉ đặt ra đối với con đã thành niên. Khi con vi phạm nghĩa vụ nuôi dưỡng cha mẹ theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình sẽ không được quyền hưởng di sản cha mẹ để lại.

- Người có nghĩa vụ nuôi dưỡng và người để lại thừa kế có quan hệ cha mẹ và con - người để lại thừa kế là con của họ

Nếu như nghĩa vụ của con là phải chăm sóc, nuôi dưỡng cha mẹ thì ngược lại cha mẹ có nghĩa vụ chăm sóc, nuôi dưỡng con khi con chưa thành niên hoặc con đã thành niên nhưng bị tàn tật, mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi sống bản thân mình. Cha mẹ luôn là NTK theo pháp luật đối với di sản do con để lại nhưng đồng thời cha mẹ sẽ không được hưởng thừa kế theo pháp luật đối với di sản của con nếu cha mẹ không thực hiện việc nuôi dưỡng con khi người con đó nằm trong tình trạng nói trên.

Ngược lại một người chỉ có thể lập di chúc để định đoạt tài sản khi đã có đủ năng lực hành vi dân sự hoặc trên mười lăm tuổi dù chưa đủ mười lăm tuổi nhưng có sự đồng ý của cha, mẹ hoặc người giám hộ. Vì vậy, cha mẹ có thể là NTK theo di chúc của con trong ba trường hợp: người con đã thành niên có năng lực hành vi dân sự; người con đó đã tròn mười lăm tuổi, người con đó đã thành niên nhưng bị tàn tật (không bị mất năng lực hành vi dân sự). Trong đó, cha mẹ chỉ có nghĩa vụ nuôi dưỡng con (người để lại di sản) trong hai trường hợp sau. Vì vậy, chỉ có thể tước quyền hưởng di sản theo di chúc của cha mẹ trong hai trường hợp này nếu họ không thực hiện nghĩa vụ nuôi dưỡng [5].

- Người có nghĩa vụ nuôi dưỡng và người để lại thừa kế có quan hệ anh, chị, em - người để lại thừa kế là anh chị em của họ.

Theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, trong trường hợp không còn cha mẹ hoặc cha mẹ không có khả năng lao động và không có tài sản để cấp dưỡng cho con thì anh, chị đã thành niên không sống chung với em có nghĩa vụ cấp dưỡng cho em chưa thành niên không có tài sản để tự nuôi mình hoặc em đã thành niên không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình; em đã thành niên không sống chung với anh, chị có nghĩa vụ cấp dưỡng cho anh, chị không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình (Điều 112 Luật Hôn nhân và gia đình 2014). Nghĩa vụ cấp dưỡng giữa anh chị em với nhau phát sinh trong trường hợp không sống chung và không có cấp dưỡng từ phía bố mẹ và thuộc những trường hợp đặc biệt như: chưa thành niên không có khả năng lao động, không có tài sản để tự nuôi sống mình. Nghĩa vụ cấp dưỡng chỉ thực hiện khi người cấp dưỡng là người đã thành niên và có khả năng kinh tế. Vậy khi anh, chị, em vi phạm nghĩa vụ này thì sẽ không được hưởng phần di sản do người bị vi phạm nghĩa vụ để lại.

- Người có nghĩa vụ nuôi dưỡng và người để lại thừa kế có quan hệ ông bà và cháu - người để lại thừa kế là ông, bà của họ hoặc là cháu của họ.

Theo pháp luật quy định thì cháu có nghĩa vụ phụng dưỡng ông bà. Ông bà nội, ông bà ngoại có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục cháu, sống mẫu mực và nêu gương tốt cho con cháu; trường hợp cháu chưa thành niên, cháu đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình mà không có người nuôi dưỡng thì ông bà nội, ông bà ngoại có nghĩa vụ nuôi dưỡng cháu (Khoản 1 Điều 104 Luật Hôn nhân và gia đình 2014). Đồng thời, Ông bà nội, ông bà ngoại không sống chung với cháu có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu trong trường hợp cháu chưa thành niên hoặc cháu đã thành niên không có khả năng lao động, không có tài sản để tự nuôi mình và không có người cấp dưỡng; đồng thời, cháu đã thành niên không sống chung với ông bà nội, ông bà ngoại có nghĩa vụ cấp dưỡng cho ông bà nội, ông bà ngoại trong trường hợp ông bà không có khả năng lao động, không có tài sản để tự nuôi mình và không có người khác cấp dưỡng (Điều 113 Luật Hôn nhân và gia đình 2014). Nghĩa vụ cấp dưỡng của cháu đối với ông bà chỉ đặt ra khi cháu đã thành niên, có khả năng kinh tế. Khi ông bà hoặc cháu có nghĩa vụ nói trên, có khả năng thực hiện mà không thực hiện thì khi người được nuôi dưỡng đó chết đi người vi phạm đó sẽ không được quyền hưởng di sản của người chết để lại.

- Người có nghĩa vụ nuôi dưỡng và người để lại thừa kế là vợ chồng.

Nếu một người tàn tật là vợ (hoặc chồng) chết thì chồng (hoặc vợ) sẽ không được hưởng di sản nếu họ đã không thực hiện việc nuôi dưỡng người để lại thừa kế. Trong trường hợp vợ chồng đã được Tòa án cho ly

hôn bằng một bản án đã có hiệu lực pháp luật mà một bên chết thì họ không còn là NTK theo pháp luật của nhau nữa. Tuy nhiên, họ vẫn có thể là NTK theo di chúc của người đã chết. Trong trường hợp này, nếu sau ly hôn, người còn sống (chồng hoặc vợ) có nghĩa vụ nuôi dưỡng người đã để lại di sản theo di chúc (vợ hoặc chồng) cho mình mà lại vi phạm nghĩa vụ đó thì cũng không được quyền hưởng di sản theo di chúc [4].

Tòa án chỉ có thể tước quyền hưởng di sản của NTK đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ nuôi dưỡng người để lại di sản thừa kế dù hành vi đó không bị kết án. Vì thế, chính Tòa án giải quyết việc thừa kế phải xác định sự vi phạm nghĩa vu của người đó có nghiêm trọng hay không? Tuy nhiên, trong Bô luật Dân sự không quy định cụ thể, đồng thời cũng chưa có văn bản pháp luật hướng dẫn để xác định như thế nào thì bị coi là nghiêm trọng.

2.2.3. Người bị kết án về hành vi cố ý xâm phạm tính mạng người thừa kế khác nhằm hưởng một phần hoặc toàn bộ phần di sản mà người thừa kế đó có quyền hưởng

Khi NTK có hành vi xâm phạm đến tính mạng của những NTK khác nhằm chiếm đoạt một phần hoặc toàn bộ phần di sản mà những NTK đó có quyền được hưởng, hành vi đó đã bị kết án bằng một bản án có hiệu lực của Tòa án. Đây chính là căn cứ để pháp luật tước quyền hưởng di sản của NTK, tuy vậy chỉ có thể tước quyền hưởng di sản của những NTK trong trường hợp này khi họ có hành vi xâm phạm đến tính mạng của những NTK khác là hành vi cố ý và đã bị Tòa án kết án bằng một bản án có hiệu lực pháp luật. Tuy nhiên nếu tước bỏ quyền hưởng di sản của NTK ở trường hợp một không cần đến động cơ, mục đích của hành vi vi phạm thì trong trường hợp này NTK chỉ bị tước quyền hưởng di sản nếu hành vi của họ có chứa đựng động cơ là chiếm đoạt một phần hoặc toàn bộ phần di sản mà NTK khác có quyền được hưởng. Việc xác định động cơ của NTK có hành vi xâm phạm đến tính mạng của những NTK khác trong trường hợp này rất quan trọng. Bởi trên thực tế có những trường hợp những người đồng thừa kế đã giết hại nhau có thể vì mâu thuẫn cá nhân, vì ghen tuông, hay xô xát nhau trong lúc phân chia di sản mà không có mục đích chiếm đoạt di sản của người khác. Trong trường hợp này cần làm rõ các vấn đề về cố ý xâm phạm tính mạng người "thừa kế khác" NTK theo luật hay NTK theo di chúc? Bên cạnh đó, cần phải xác định được mục đích là nhằm hưởng một phần di sản hoặc toàn bộ di sản của NTK đó được hưởng?

2.2.4. Người có hành vi lừa dối, cưỡng ép hoặc ngăn cản người để lại di sản trong việc lập di chúc; giả mạo di chúc, sửa chữa di chúc, hủy di chúc, che giấu di chúc nhằm hưởng một phần hoặc toàn bộ di sản trái với ý chí của người để lại di sản

- Hành vi lừa dối người để lại di sản là việc cung cấp những thông tin sai sự thật làm cho người lập di chúc tin và lầm tưởng vào sự việc nên đã lập di chúc cho người này hưởng di sản. Ngoài ra, hành vi lừa dối của NTK trong trường hợp trên phải chứa đựng động cơ là nhằm hưởng một phần hoặc toàn bộ di sản trái với ý chí của người để lại di sản thì người có hành vi lừa dối mới bị tước quyền hưởng di sản.

- Hành vi cưỡng ép là hành vi dùng thủ đoạn vật chất và tinh thần dồn người khác vào thế tiến thoái lưỡng nan buộc họ phải làm theo yêu cầu của mình đưa ra. Hành vi cưỡng ép người lập di chúc phải khiến người lập di chúc, lập di chúc theo mong muốn của người thực hiện hành vi cưỡng ép và trái với ý chí ban đầu của người đó.

- Ngăn cản người có di sản lập di chúc là hành vi của một người thực hiện những động tác để khiến cho người có di sản không thể lập di chúc theo ý chí của mình, hành động này thường dẫn đến hậu quả là di chúc đã không được lập ra.

- Hành vi giả mạo di chúc là hành vi của một người đã lập một di chúc theo ý chí của mình nhằm thay thế di chúc của người để lại di sản hoặc để cho những người khác tưởng lầm rằng người đã chết có để lại di chúc.

- Hành vi sửa chữa di chúc là việc NTK sửa chữa nội dung của di chúc hoặc xóa bỏ nhiều từ trong di chúc, những từ này ảnh hưởng tới quyền lợi của NTK hoặc NTK viết thêm vào trong di chúc số người được hưởng, số tài sản được hưởng.

- Hành vi hủy di chúc là hành vi dùng các thủ đoạn (xé, đốt, vứt...) tác động đến di chúc, khiến di chúc của người để lại di sản không còn tồn tại, bị phá hủy hoàn toàn, không còn nguyên vẹn, không thể khôi phục được trạng thái ban đầu. Nếu NTK theo di chúc thực hiện hành vi hủy di chúc thông thường chỉ khi người đó cũng đồng thời là người thừa kế theo pháp luật của người để lại di sản, và nếu chia di sản theo di chúc họ sẽ được kỷ phần ít hơn là khi di sản được chia theo pháp luật. Ngoài ra còn có trường hợp một người có hành vi hủy di chúc khi người để lại di sản đã không chỉ định người này trong di chúc nên nếu chia thừa kế theo di chúc, họ sẽ không được hưởng nữa.

- Hành vi che giấu di chúc mà người để lại di sản đã lập là hành vi NTK cố ý che giấu bản di chúc bằng nhiều cách khác nhau làm cho người khác không thể biết được là có di chúc, hoặc không đọc và/hoặc không hiểu nội dung của di chúc. Đây là điểm mới của Bộ luật Dân sự 2015 về vấn đề này.

Những hành vi này của người đó sẽ bị coi là trái pháp luật và sẽ không được quyền hưởng di sản thừa kế khi mục đích là nhằm hưởng một phần hoặc toàn bộ di sản trái với ý chí người để lại di sản. Khi người có quyền và lợi ích liên quan đến di sản thừa kế cho rằng bản di chúc được công bố đã bị sửa chữa hoặc di chúc đó đã bị một trong những NTK huỷ bỏ với mục đích hưởng một phần hoặc toàn bộ di sản trái với ý chí của người để lại di sản thì người khởi kiện và người có liên quan đến nội dung của di chúc có nghĩa vụ cung cấp chứng cứ để chứng minh yêu cầu của mình là có căn cứ và hợp pháp. Tuy nhiên, để xác định một bản di chúc bị giả mạo, bị sửa chữa, bị hủy hay bị che giấu thì việc cung cấp chứng cứ để chứng minh trong một vụ việc dân sự tương đối khó khăn bởi vì trường hợp di chúc bị giả mạo hoặc bị sửa chữa, bị che giấu có thể được xác định thông qua nhân chứng, giám định chữ viết, chữ ký và con dấu của người làm chứng hoặc mục đích của người đã có hành vi nêu trên thông qua việc thấy tài sản của người này tăng lên nhưng đối với trường hợp hủy di chúc thì chứng minh theo cách này rất khó thực hiện được bởi tìm lại một bản di chúc bị hủy là không thể xảy ra nên chỉ có thể chia di sản của người chết theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực trạng các quy định của pháp luật về người không được hưởng di sản thừa kế

Thực tế cho thấy, từ khi Bộ luật Dân sự 2015 ra đời, pháp luật về thừa kế quy định trong Bộ luật Dân sự 2015 đã có những điều chỉnh đáng ghi nhận và khá hoàn thiện. Tuy nhiên, có những nội dung để giải quyết đúng đắn, đảm bảo quyền và lợi ích chính đáng của các bên đương sự vẫn rất cần có sự hướng dẫn, giải thích của các cơ quan có thẩm quyền. Song, thực tế áp dụng còn xảy ra một số vướng mắc có liên quan đến người không được quyền hưởng di sản; đó là:

2.3.1. Tại điểm b, khoản 1, Điều 621, Bộ luật Dân sự có quy định về vấn đề người vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ nuôi dưỡng người để lại di sản. Nghĩa vụ nuôi dưỡng là phải vi phạm nghiêm trọng. Tuy nhiên, tính chất nghiêm trọng lại chưa có văn bản hướng dẫn nào làm rõ, nên do chính những người áp dụng pháp luật giải thích, dẫn đến tình trạng không thống nhất giữa cách giải thích cho một vấn đề ở các vụ án trong một Tòa cũng như không thống nhất giữa các địa phương.

2.3.2. Pháp luật chưa quy định trong một số trường hợp mà có thể hành vi đó cũng bị coi là bất xứng như người biết rằng người để lại thừa kế đã bị giết nhưng đã không tố giác tội phạm hoặc che giấu tội phạm đó. Xét về bản chất thì những hành vi này cũng được coi là tội phạm được quy định tại Điều 389 và Điều 390 Bộ luật Hình sự 2015 và được sửa đổi năm 2017. Hành vi này là những hành vi mặc dù biết rõ về tội phạm và cố tình không tố giác hoặc người này có hành vi che giấu tội phạm khi biết người phạm tội đã thực hiện hành vi phạm tội nhưng vẫn che giấu nhưng không hứa hẹn trước đó. Đây là những hành vi có sự xâm hại đến trật tự xã hội và còn vi phạm các quy phạm đạo đức xã hội Việt Nam, đặc biệt trong trường hợp này người bị hại lại chính là người để lại thừa kế cho họ. Vì vậy, trong lĩnh vực thừa kế ở nước ta, khi xảy ra trường hợp này vẫn chưa có quy định cụ thể để áp dụng, đồng thời người có hành vi trên vẫn được phép hưởng thừa kế di sản của người mà mình biết do ai giết mà vẫn không tố cáo, vẫn che giấu.

2.4. Kiến nghị, giải pháp

Để khắc phục những thiếu sót, hạn chế của pháp luật và để những quy định của pháp luật được áp dụng đúng nhất, chính xác nhất tác giả đưa ra một số kiến nghị như sau:

2.4.1. Về thuật ngữ "vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ nuôi dưỡng", cần có văn bản hướng dẫn thế nào thì coi là vi phạm nghiêm trọng. Có thể là Nghị định với tên là "Nghị định hướng dẫn chi tiết áp dụng một số điều về lĩnh vực thừa kế". Nội dung cụ thể như sau: "Nghĩa vụ nuôi dưỡng tại điểm b, khoản 1, Điều 621 là nghĩa vụ pháp lý, đã được quy định trong các văn bản pháp luật. Vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ nuôi dưỡng là người có khả năng thực hiện nghĩa vụ nuôi dưỡng mà không thực hiện làm cho người được nuôi dưỡng lâm vào tình trạng khổ sở hoặc nguy hiểm đến tính mạng và sự việc này phải diễn ra trong khoảng thời gian 3 năm trước khi thừa kế được mở. Tình trạng khổ sở là trở thành người sống lang thang, trẻ em thất học…hoặc lâm vào tình trạng nguy hiểm tính mạng".

2.4.2. Về vấn đề khái niệm người không được quyền hưởng di sản, theo tác giả rất cần đưa ra định nghĩa cụ thể về người không được quyền hưởng di sản để khắc phục hạn chế này. Cần bổ sung thêm Điều luật về định nghĩa như sau: *"Điều…: Người không được quyền hưởng di sản. Người không được hưởng di sản là người không được quyền hưởng di sản do người chết để lại mà lẽ ra thuộc về mình do có những hành vi bất xứng theo quy định của pháp luật."*

2.4.3. Người được hưởng di sản thừa kế theo di chúc có thể là cá nhân cơ quan tổ chức, Nhà nước. Nhưng tại Điều 621 Bộ luật Dân sự 2015 quy định người không có quyền hưởng di sản chỉ là cá nhân. Vì vậy cần phải đặt ra vấn đề khi nào pháp nhân không có quyền hưởng di sản, trong trường hợp pháp nhân không thực hiện đúng mục đích mà người để lại di sản yêu cầu thì có nên tước quyền hưởng di sản của pháp nhân đó hay không.

3. Kết luận

Với quy định tương đối hoàn thiện, pháp luật về thừa kế hiện hành đã góp phần củng cố và nâng cao hiệu quả công tác giải quyết tranh chấp thừa kế trên thực tế. Song pháp luật về thừa kế không thể nào dự liệu trước được tất cả những trường hợp xảy ra trên thực tiễn. So với những văn bản pháp luật về thừa kế trước đây, Bộ luật Dân sự năm 2015 đã đánh dấu bước phát triển của ngành luật dân sự nói chung và pháp luật về thừa kế nói riêng. Bộ luật Dân sự năm 2015 được xem là kết quả của quá trình phát điển hóa những quy định của pháp luật thừa kế. Nó kế thừa và phát triển những quy định phù hợp với thực tiễn, không ngừng hoàn thiện để bảo vệ quyền lợi của người dân một cách có hiệu quả nhất.

Trên thực tế, quan hệ về thừa kế bản chất là quan hệ sở hữu nên việc giải quyết các tranh chấp trên thực tế không thỏa đáng hoặc không đảm bảo quyền và lợi ích của đương sự sẽ gây ra nhiều hậu quả và gây bất bình trong lòng dân. Việc xác định đúng, chính xác NTK có quyền hưởng di sản thừa kế sẽ giúp cho việc giải quyết các tranh chấp trên thực tế được dễ dàng, nâng cao hiệu quả công tác xét xử, tạo niềm tin vào Nhà nước và pháp luật.

Tài liệu tham khảo

[1] Quốc hội (2014), *Luật Hôn nhân và gia đình số 52/2014/QH13.*

[2] Quốc hội (2015), *Bộ Luật Dân sự số 91/2015/QH13.*

[3] Quốc hội (2017), *Bộ Luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) số 01/VBHN-VPQH.*

[4] Phùng Trung Tập (2022), *Pháp luật thừa kế ở Việt Nam - nhận thức và áp dụng*, NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.

[5] Phạm Văn Tuyết, Lê Kim Giang (2017), *Pháp luật về thừa kế và thực tiễn giải quyết tranh chấp*, NXB Tư pháp, Hà Nội.

[6] Trường Đại học Luật Hà Nội (2020), *Giáo trình Lý luận chung Nhà nước và pháp luật*, NXB Tư pháp, Hà Nội.

[7] Nguyễn Minh Tuấn (2019), *Pháp luật về thừa kế của Việt Nam - Những vấn đề lý luận và thực tiễn*, NXB Lao động - Xã hội, Hà Nội.